TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Diễn;

2. Bà Trần Thị Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 28/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Danh Đ, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và và anh Trần Danh Đ kết hôn ngày 28/12/2012, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 4/2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến tháng 6/2018, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay, chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị xin ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con chung:* Chị và anh Đ có 02 con chung là các cháu Trần Danh D1, sinh ngày 27/01/2014 và cháu Trần Thị Ánh D2, sinh ngày 19/11/2015. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với anh Đức.

Chị cho rằng chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con chung là cháu D2 và cháu D2 dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định của pháp luật chị được nuôi; mặt khác, hiện chị đang làm công nhân ở Công ty SAMSUNG thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng. Do vậy chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu D2 và nhất trí giao cháu D1 cho anh Đ nuôi dưỡng khi ly hôn; ngoài ra, chị cũng nhất trí người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Danh Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên nay tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng: Tuy con chung là cháu D2 còn nhỏ dưới

36 tháng tuổi, nhưng anh đang làm lao động tự do thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng (anh chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ) và điều kiện về vật chất để nuôi con chung của anh là tốt hơn, do đó anh không nhất trí giao cháu D2 cho chị Tuyết nuôi dưỡng mà anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung khi ly hôn.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tuyết và anh Đức.

+. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu D1 cho anh Đ nuôi dưỡng; giao con chung là cháu D2 cho chị T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí:* Công nhận sự tự nguyện của chị T nộp cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[*1. Về hôn nhân:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Danh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, tại phiên tòa hai bên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn, nên cần công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. **]**

[*2. Về nuôi con chung:* Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và điều kiện nuôi con của hai bên, hơn nữa do cháu D2 hiện dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu cho chị T nuôi dưỡng; còn cháu D1 cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét**.]**

[*3. Về chia tài sản:* Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật. **]**

[*4. Về án phí:* Công nhận sự tự nguyện của chị T nộp cả tiền án phí dân sự sơ thẩm. **]**

[5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. **]**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Danh Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Danh D1, sinh ngày 27/01/2014 cho anh Trần Danh Đ nuôi dưỡng; Trần Thị Ánh D2, sinh ngày 19/11/2015 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đề cập giải quyết.

**. Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T nộp cả 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001322 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho các đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã Thái Bảo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyến
(đã ký)